**BỘ CÂU HỎI**

**Cuộc thi trực tuyến (online) tìm hiểu kiến thức pháp luật ATVSLĐ và**

**Cuốn cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” năm 2025**

| **TT** | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN I: KIẾN THỨC CHUNG - PHÁP LUẬT VỀ ATVSLĐ** | | | | | |
|  | Trong các yếu tố sau, đâu là yếu tố có hại trong môi trường lao động cần được quan trắc, đánh giá theo quy định của pháp luật?  A) Yếu tố bụi  B) Yếu tố hơi khí độc  C) Yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my  D) Cả A, B và C |  | | Mục II, Phụ lục 1, Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động |
|  | Yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp được quy định bao gồm các yếu tố nào sau đây:  A) Yếu tố vi sinh vật; yếu tố gây dị ứng, mẫn cảm; bụi  B) Yếu tố vi sinh vật; yếu tố gây dị ứng, mẫn cảm; dung môi; yếu tố gây ung thư  C) Yếu tố bụi; yếu tố vi sinh vật; dung môi  D) Cả A, B, C |  | | Mục II, Phụ lục 1, Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động |
|  | Lập, quản lý và bổ sung hồ sơ vệ sinh lao động là trách nhiệm của ai?  A) Tổ chức Công đoàn cơ sở;  B) Người sử dụng lao động;  C) Người lao động;  D) Sở y tế. |  | | Khoản 1, Điều 14, Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/ 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động |
|  | Theo quy định hiện hành, các trường hợp người lao động bị tai nạn lao động được khám, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì cơ sở KBCB đó phải thống kê, báo cáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào?  A) Sở Y tế  B) Bộ Y tế  C) Trung tâm Y tế tuyến huyện  D) Cả A, B, C |  | | Khoản 1, Điều 25, Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động |
|  | Theo quy định hiện hành, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải báo cáo các trường hợp tai nạn lao động được khám và điều trị định kỳ mấy lần trong 1 năm ?  A) 1 lần;  B) 2 lần;  C) 3 lần;  D) 4 lần |  | | Khoản 1, Điều 25, Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động |
|  | Hàng năm, người sử dụng lao động có phải tổ chức sơ kết, tổng kết công tác an toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị không?  A) Có;  B) Không  C) Không biết |  | | Khoản 1, Điều 11, Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh. |
|  | Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm nào?  A) Ngày 01/01/2017  B) Ngày 01/12/2016  C) Ngày 01/01/2016  D) Ngày 01/7/2016 |  | | Khoản 1, Điều 92, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo quy định của pháp luật, các loại máy, thiết bị, vật tư nào phải được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng?  A) Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động  B) Máy, thiết bị có chi tiết sắc nhọn  C) Máy, thiết bị có phát tia hồng ngoại  D) Cả B và C |  | | Khoản 1, Điều 31, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gì.  A) Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và thay mới  B) Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo quy chuẩn kỹ thuật.  C) Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và thay mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật.  D) Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. |  | | Khoản 3, Điều 30, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người sử dụng lao động có bao nhiêu trách nhiệm đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp?  A) 08  B) 09  C) 10  D) 11 |  | | Điều 38, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người sử dụng lao động có bao nhiêu trách nhiệm về bồi thường, trợ cấp (trong những trường hợp đặc thù) khi người lao động bị tai nạn lao động  A) 04  B) 05  C) 06  D) 07 |  | | Điều 39, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với …  A) Người sử dụng lao động.  B) Người lao động  C) Cả A và B |  | | Khoản 9, Điều 3, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 quy định “an toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố” nào?  A) Yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.  B) Yếu tố có hại nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.  C) Yếu tố hơi khí độc nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.  D) Yếu tố rủi ro nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động. |  | | Khoản 2, Điều 3, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 quy định “Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố nào”?  A) Yếu tố rủi ro gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.  B) Yếu tố nguy hiểm gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.  C) Yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.  D) Cả 3 yếu tố trên. |  | | Khoản 3, Điều 3, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp được định nghĩa là hoạt động gì sau đây?  A) Khảo sát môi trường lao động;  B) Đánh giá môi trường lao động;  C) Quan trắc môi trường lao động;  D) Cả 3 nội dung trên |  | | Khoản 10, Điều 3, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Tổ chức nào sau đây được thực hiện quan trắc môi trường lao động tại các cơ sở y tế:  A) Tổ chức có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc  B) Tổ chức có đủ nhân lực và trang thiết bị quan trắc  C) Tổ chức đã công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế/Sở Y tế  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Khoản 4, Điều 34, Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. |
|  | Cơ quan nào được giao xây dựng, ban hành và định kỳ rà soát sửa đổi, bổ sung Danh mục bệnh nghề nghiệp?  A) Bảo hiểm Xã hội Việt Nam  B) Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội  C) Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường  D) Bộ Y tế |  | | Khoản 6, Điều 85, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Hiện nay tại Việt Nam, có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội?  A) 34 bệnh  B) 35 bệnh  C) 36 bệnh  D) 37 bệnh |  | | Thông tư [15/2016/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/thong-tu-15-2016-tt-byt-benh-nghe-nghiep-duoc-huong-bao-hiem-xa-hoi-319385.aspx) ngày 15/5/2016; Thông tư 02/2023/TT-BYT |
|  | Người sử dụng lao động có trách nhiệm thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở để tiến hành điều tra vụ tai nạn lao động nào?  A) Tai nạn lao động làm bị thương nhẹ người lao động.  B) Tai nạn lao động làm bị thương nặng 1 người lao động thuộc thẩm quyền quản lý.  C) Tai nạn lao động chết người.  D) Cả A và B |  | | Khoản 1, Điều 35, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ 2 người lao động trở lên thuộc thẩm quyền điều tra tai nạn lao động của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp nào?  A) Cấp cơ sở  B) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh  C) Cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp TW |  | | Khoản 2, Điều 35, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo quy định của Luật ATVSLĐ, thời hạn điều tra đối với tai nạn lao động làm bị thương nhẹ người lao động là mấy ngày?  A) Không quá  03 ngày  B) Không quá  04 ngày  C) Không quá  05 ngày  D) Không quá  06 ngày |  | | Khoản 6, Điều 35, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo quy định hiện hành, tổng thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất đối với người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 1) bao gồm cả thời gian kiểm tra là bao nhiêu giờ ?  A) 08 giờ  B) 16 giờ  C) 24 giờ  D) 48 giờ |  | | Khoản 1, Điều 19, Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. |
|  | Theo quy định hiện hành, tổng thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất đối với người lao động (nhóm 4) bao gồm cả thời gian kiểm tra là bao nhiêu giờ ?  A) 08 giờ  B) 16 giờ  C) 24 giờ  D) 48 giờ |  | | Khoản 1, Điều 19, Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. |
|  | Theo quy định hiện hành, tổng thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất đối với người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 3) bao gồm cả thời gian kiểm tra là bao nhiêu giờ?  A) 08 giờ  B) 16 giờ  C) 24 giờ  D) 48 giờ |  | | Khoản 3, Điều 19, Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. |
|  | Cơ quan nào chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế?  A) Bộ Công thương  B) Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội  C) Bộ Y tế  D) Cả 3 ý trên đều đúng |  | | Điều 55, Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Nghị định 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/ 2024 của Chính phủ |
|  | Người lao động có quyền gì mà không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình?  A) Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc;  B) Bố trí công việc phù hợp;  C) Phải báo ngay cho người quản lý trực tiếp để có phương án xử lý;  D) Cả A, C. |  | | Điểm đ, Khoản 1, Điều 6, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động thì người sử dụng lao động phải lấy ý kiến của bộ phận nào?  A) Đoàn thanh niên CS HCM  B) Ban chấp hành công đoàn cơ sở  C) Ban Nữ công  D) Chi bộ/Đảng bộ |  | | Khoản 2, Điều 7, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động, khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, người lao động phải có nghĩa vụ gì?  A) Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm  B) Chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp  C) Rời khỏi khu vực nguy hiểm  D) Cả A và B |  | | Điểm c, Khoản 2, Điều 6, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện các quy định, nội quy, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động là trách nhiệm của ai?  A) Chủ tịch công đoàn cơ sở  B) Người sử dụng lao động  C) An toàn vệ sinh viên  D) Bí thư chi bộ/Bí thư đảng bộ |  | | Khoản 7, Điều 16, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng là trách nhiệm của ai?  A) Trưởng phòng vật tư trang thiết bị y tế  B) An toàn vệ sinh viên  C) Người sử dụng lao động  D) Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |  | | Khoản 5, Điều 16, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người làm công tác an toàn vệ sinh lao động, bộ phận an toàn, vệ sinh lao động có quyền gì?  A) Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc  B) Đình chỉ hoạt động của máy, thiết bị không bảo đảm an toàn  C) Tham dự lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về ATVSLĐ  D) Cả A, B và C |  | | Khoản 3, Điều 72, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc bộ phận an toàn, vệ sinh lao động có nhiệm vụ tham mưu, giúp người sử dụng lao động tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, bao gồm các nội dung nào  A) Xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm  B) Quản lý và theo dõi việc khai báo, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;  C) Chủ trì, phối hợp bộ phận y tế tổ chức giám sát, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại;  D) Cả 3 ý trên đều đúng |  | | Khoản 2, Điều 72, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại tại nơi làm việc trong trường hợp nào sau đây?  A) Định kỳ ít nhất 01 năm một lần;  B) Khi có yêu cầu của một hoặc các bên;  C) Khi có vụ việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36, các điều 42, 44, 93, 104, 118 và khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Lao động năm 2019.  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 2, Điều 63, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Theo quy định hiện hành, người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động thì mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là bao nhiêu %?  A) 0,5%  B) 1%  C) 1,5%  D) 2% |  | | Khoản 1, Điều 4, Nghị định 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. |
|  | Người lao động được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động trong trường hợp nào?  A) Vừa bị tai nạn lao động vừa bị bệnh nghề nghiệp  B) Bị tai nạn lao động nhiều lần  C) Bị nhiều bệnh nghề nghiệp  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 2, Điều 47, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với những trường hợp kết luận suy giảm khả năng lao động dưới 5% do người sử dụng lao động giới thiệu người lao động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa là trách nhiệm của ai;  A) Người sử dụng lao động  B) Người lao động  C) Bảo hiểm xã hội  D) Cả đáp án A và B |  | | Điểm b, Khoản 2, Điều 38, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người lao động trong cơ quan, doanh nghiệp chưa tham gia bảo hiểm y tế khi bị nạn lao động, toàn bộ chi phí y tế do ai chi trả?  A) Người lao động  B) Quỹ Bảo hiểm Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp  C) Người sử dụng lao động  D) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hỗ trợ |  | | Điểm c, Khoản 2, Điều 38, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải có các nội dung chủ yếu nào sau đây?  A) Phương án sơ tán người lao động ra khỏi khu vực nguy hiểm;  B) Biện pháp sơ cứu, cấp cứu người bị nạn; Biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả do sự cố gây ra;  C) Trang thiết bị phục vụ ứng cứu; Lực lượng ứng cứu tại chỗ; phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài cơ sở; phương án diễn tập.  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 2, Điều 78, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | An toàn, vệ sinh viên có bao nhiêu nghĩa vụ trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở lao động?  A) 3 nghĩa vụ  B) 4 nghĩa vụ  C) 5 nghĩa vụ  D) 6 nghĩa vụ |  | | Khoản 4, Điều 74, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | An toàn, vệ sinh viên có những nghĩa vụ nào sau đây ?  a) Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng, quản đốc chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;  b) Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;  c) Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ;  d) Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;  đ) Báo cáo tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.  A) nghĩa vụ: a, b, c  B) nghĩa vụ: b, c, d  C) nghĩa vụ: a, c, đ  D) tất cả các nghĩa vụ trên |  | | Khoản 4, Điều 74, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm nào?  A) Khi người lao động mắc bệnh  B) Khi người lao động bị tai nạn lao động  C) Được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc tại cơ sở lao động.  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Khoản 1, Điều 2, Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/ 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động |
|  | Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất bao nhiêu tháng một lần.  A) 3 tháng  B) 6 tháng  C) 9 tháng  D) 12 tháng |  | Khoản 1, Điều 21, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Người sử dụng lao động phải làm gì cho người lao động trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.  A) Khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc cho người lao động  B) Khám sức khoẻ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp  C) Khám và giám định bệnh nghề nghiệp  D) Cả 3 đáp án trên |  | Khoản 3, Điều 21, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào được thực hiện việc khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động, khám định kỳ cho người lao động mắc bệnh nghề nghiệp?  A) Các cơ sở y tế có đủ điều kiện khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật khám bệnh, chữa bệnh  B) Các bệnh viện công lập  C) Các phòng khám tư nhân  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | Khoản 3, Điều 2, Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp | |
|  | Theo quy định hiện hành, người làm công tác y tế ở cơ sở phải có trình độ chuyên môn về y tế và chứng chỉ gì?  A) Chứng chỉ bệnh nghề nghiệp  B) Phải có trình độ chuyên môn về y tế và chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động  C) Chứng chỉ hành nghề  D) Cả 3 đáp án trên |  | Khoản 4, Điều 73, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Người làm công tác y tế, bộ phận y tế có mấy quyền?  A) 02 quyền  B) 03 quyền  C) 04 quyền  D) 05 quyền |  | Khoản 3, Điều 73, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Người làm công tác y tế, bộ phận y tế có những quyền nào sau đây ?  a) Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định việc tạm đình chỉ công việc trong trường hợp khẩn cấp khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm hoặc các nguy cơ gây ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật, ốm đau cho người lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động về tình trạng này; quản lý trang thiết bị y tế, thuốc phục vụ sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc; hướng dẫn sơ cứu, cấp cứu cho người lao động tại cơ sở;  b) Đình chỉ việc sử dụng các chất không bảo đảm quy định về an toàn, vệ sinh lao động;  c) Được người sử dụng lao động bố trí thời gian tham gia các cuộc họp, hội nghị và giao dịch với cơ quan y tế địa phương hoặc y tế bộ, ngành để nâng cao nghiệp vụ và phối hợp công tác.  A) Các quyền: a, b  B) Các quyền: b, c  C) Tất cả các quyền trên |  | Khoản 3, Điều 73, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Đối với vị trí làm việc có sử dụng hóa chất độc hoặc chất gây ăn mòn phải trang bị những dụng cụ gì tại vị trí dễ tiếp cận trong khu vực làm việc để đảm bảo yêu cầu đối với hoạt động sơ cứu, cấp cứu?  A) Vòi rửa tay và phương tiện rửa mắt  B) Vòi tắm khẩn cấp và Phương tiện rửa mắt  C) Vòi tắm khẩn cấp, vòi rửa tay và phương tiện rửa mắt  D) Cả 3 đáp án trên |  |  | |
|  | Thời gian huấn luyện sơ cứu tại cơ sở lao động lần đầu đối với lực lượng sơ cứu, cấp cứu là bao nhiêu giờ?  A) 8 giờ  B) 16 giờ  C) 24 giờ  D) 32 giờ |  | Phụ lục 6, Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế | |
|  | Điều tra lần đầu bệnh nghề nghiệp áp dụng đối với các trường nào?  A) Người lao động có yêu cầu điều tra bệnh nghề nghiệp  B) Người sử dụng lao động có yêu cầu điều tra bệnh nghề nghiệp;  C) Cơ quan Bảo hiểm xã hội có yêu cầu điều tra bệnh nghề nghiệp;  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Khoản 1, Điều 14, Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/ 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp, |
|  | Trong các bệnh sau đây, bệnh nào là bệnh nghề nghiệp thuộc danh mục Bệnh nghề nghiệp ban hành tại Thông tư 15/2016/TT-BYT của Bộ Y tế  A) Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính  B) Bệnh viêm gan vi rút C nghề nghiệp  C) Bệnh HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp  D) Đáp án B và C |  | | Điều 3, Thông tư 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội |
|  | Trong các bệnh sau đây, bệnh nào **không** phải bệnh nghề nghiệp thuộc danh mục Bệnh nghề nghiệp ban hành tại Thông tư 15/2016/TT-BYT của Bộ Y tế  A) Bệnh nốt dầu nghề nghiệp  B) Bệnh viêm da dị ứng  C) Bệnh sạm da nghề nghiệp  D) Bệnh Ung thư trung biểu mô nghề nghiệp |  | | Điều 3, Thông tư 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội |
|  | Trong các bệnh sau đây, bệnh nào **không** phải bệnh nghề nghiệp thuộc danh mục Bệnh nghề nghiệp ban hành tại Thông tư 15/2016/TT-BYT của Bộ Y tế  A) Bệnh nhiễm độc thuỷ ngân  B) Bệnh nhiễm độc benzen  C) Bệnh nhiễm độc acid  D) Bệnh đục thể thủy tinh nghề nghiệp |  | | Điều 3, Thông tư 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội |
|  | Đối với yếu tố có hại được Bộ Y tế quy định giới hạn tiếp xúc cho phép thì người sử dụng lao động phải tổ chức quan trắc môi trường lao động ít nhất mấy lần trong một năm?  A) 01 lần  B) 02 lần  C) 03 lần  D) 04 lần |  | | Khoản 2, Điều 18, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, theo anh, chị, nội dung nào thuộc ngành y tế?  A) Trực tiếp nấu, chế biến thực phẩm tại các bếp ăn tập thể từ 300 suất ăn một ngày trở lên.  B) Khám, chữa bệnh; chăm sóc người khuyết tật, người bệnh; giải phẫu bệnh, giám định pháp y, xét nghiệm vi sinh vật; các công việc trong lĩnh vực dược phẩm.  C) Kiểm nghiệm, sản xuất thuốc thú y; giữ giống bảo tồn gien, chủng vi sinh vật, ký sinh trùng; diệt khuẩn, khử trùng môi trường; kiểm định thực phẩm, khử trùng.  D) Cả đáp án B, C |  | | Mục 22 (*Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động*), Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động |
|  | Theo anh, chị ngành y tế có bao nhiêu nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm?  A) 56  B) 66  C) 76  D) 86 |  | | Mục XV Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. |
|  | Theo anh chị các trường hợp nào sau đây được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm?  A) Các trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động.  B) Cung ứng dịch vụ công; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.  C) Công việc trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc bình thường không quá 44 giờ trong một tuần.  D) Cả 3 đáp án A, B, C đều đúng |  | | Điều 61, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
|  | Theo anh, chị Quyền bình đẳng của người lao động gồm những nội dung gì?  A) Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện quyền bình đẳng của lao động nữ, lao động nam, thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, tiền lương, khen thưởng, thăng tiến, trả công lao động, các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, điều kiện lao động, an toàn lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, ốm đau, thai sản, các chế độ phúc lợi khác về vật chất và tinh thần;  B) Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng của lao động nữ, lao động nam, thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới về các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong quan hệ lao động.  C) Lập kế hoạch, thực hiện các giải pháp để lao động nữ, lao động nam có việc làm thường xuyên, áp dụng chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà, đào tạo nâng cao tay nghề; lao động nữ được đào tạo thêm nghề dự phòng phù hợp với đặc điểm cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ của phụ nữ;  D) Cả đáp án A và B |  | | Khoản 1, Điều 78, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
|  | Theo anh, chị đối với hành vi không tổ chức việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho người lao động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì người sử dụng lao động sẽ bị xử phạt hành chính:  A) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động dưới 100 người;  B) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động dưới 100 người;  C) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với trường hợp cơ sở có sử dụng lao động dưới 100 người;  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 1, Điều 5, Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. |
|  | Theo anh, chị hành vi vi phạm nào trong quy định về áp dụng biện pháp chống dịch bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng?  A) Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế;  B) Không báo cáo với Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan y tế dự phòng trên địa bàn về trường hợp mắc bệnh dịch theo quy định của pháp luật.  C) Che dấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh truyền nhiễm đã được công bố là có dịch;  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Điểm a, Khoản 2, Điều 12, Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. |
|  | Theo anh, chị các hành vi vi phạm nào về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi bị xử phạt hành chính từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động?  A) Không bảo đảm cho người lao động nghỉ việc riêng hoặc nghỉ không hưởng lương theo quy định của pháp luật;  B) Không thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức làm thêm giờ và nơi đặt trụ sở chính về việc tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.  C) Thực hiện thời giờ làm việc bình thường quá số giờ làm việc theo quy định của pháp luật;  D) Cả 2 đáp án A, B |  | | Khoản 1, Điều 18, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Phạt bao nhiêu tiền đối với người sử dụng lao động có hành vi không lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động đối với các yếu tố có hại, phòng chống bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật?  A) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng  B) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng  C) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng  D) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |  | | Khoản 1, Điều 21, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Theo anh, chị phạt bao nhiêu tiền khi vi phạm với mỗi người lao động nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi không tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động.  A) từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng  B) từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng  C) từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Khoản 2, Điều 22, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Phạt bao nhiêu tiền đối với người lao động có một trong các hành vi sau đây: (1) Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; (2) Không tham gia cấp cứu và khắc phục sự cố, tai nạn lao động khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  A) Từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng  B) Từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng  C) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng  D) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng |  | | Khoản 1, Điều 22, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Phạt bao nhiêu tiền đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi: Không trang cấp hoặc trang cấp không đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc có trang cấp nhưng không đạt chất lượng theo quy định; không thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật hoặc bồi dưỡng bằng hiện vật thấp hơn mức theo quy định; trả tiền thay cho bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khi vi phạm từ 01 người đến 10 người lao động;  A) Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng  B) Từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng  C) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng  B) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |  | | Khoản 8, Điều 22, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Mức xử phạt đối với hành vi không kiểm định từ 01 đến 03 máy, thiết bị, vật tư  có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trước khi đưa vào sử dụng hoặc không kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật là bao nhiêu tiền?  A) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng  B) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng  C) Từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng  D) 75.000.000 đồng |  | | Điểm a, khoản 4, Điều 24, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Theo anh, chị phạt tiền đối với người sử dụng lao động có hành vi không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận với tổ chức hoạt động huấn luyện không huấn luyện mà nhận kết quả huấn luyện theo một trong các mức sau đây  A) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng với vi phạm từ 51 người đến 100 người;  B) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng với vi phạm từ 101 người đến 300 người;  C) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với vi phạm từ 301 người trở lên.  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Khoản 1, Điều 25, Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. |
|  | Theo anh, chị người tham gia Bảo hiểm y tế có bao nhiêu quyền?  A) 04 quyền  B) 05 quyền  C) 06 quyền  D) 07 quyền |  | | Điều 36 Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị người tham gia Bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế chi trả các chi phí gì?  A) Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khám thai định kỳ, sinh con  B) Vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên cho tất cả các đối tượng  C) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh  D) 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho tất cả các đối tượng |  | | Khoản 1, Điều 21 Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế là bao nhiêu? người sử dụng lao động đóng phải đóng bao nhiêu? người lao động đóng bao nhiêu?  A) Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế tối đa bằng 6% tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng 2/3 và người lao động đóng 1/3. Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì mức đóng hằng tháng tối đa bằng 6% tiền lương tháng của người lao động trước khi nghỉ thai sản và do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng;  B) Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế tối đa bằng 6% tiền trợ cấp thất nghiệp và do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng;  C) Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế tối đa tối đa bằng 6% tiền lương tháng đối với người hưởng lương, tối đa bằng 6% mức lương cơ sở đối với người hưởng sinh hoạt phí và do ngân sách nhà nước đóng;  D) Mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế tối đa bằng 6% mức lương cơ sở và do ngân sách nhà nước đóng; |  | | Điểm a, khoản 1, Điều 13 Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị trường hợp người có thẻ bảo hiểm y tế tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo mức hưởng quy định tại khoản 1 Điều này theo tỷ lệ nào (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này)?  A) Tại bệnh viện tuyến trung ương là 40% chi phí điều trị nội trú;  B) Tại bệnh viện tuyến tỉnh là 60% chi phí điều trị nội trú từ ngày Luật này có hiệu lực đến 31/12/2020; 100% chi phí điều trị nội trú từ ngày 01/01/2021 trong phạm vi cả nước;  C) Tại bệnh viện tuyến huyện là 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 31/12/2015; 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ ngày 01/01/2016.  D) Cả 3 phương án A, B, C |  | | Khoản 3, Điều 22, Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị bao nhiêu trường hợp không được hưởng bảo hiểm y tế?  A) 10 trường hợp  B) 12 trường hợp  C) 14 trường hợp  D) 16 trường hợp |  | | Điều 23, Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị các trường hợp nào không được hưởng bảo hiểm y tế?  A) Điều dưỡng, an dưỡng tại cơ sở điều dưỡng, an dưỡng.  B) Khám sức khỏe.  C) Xét nghiệm, chẩn đoán thai không nhằm mục đích điều trị.  D) Cả 3 phương án trên |  | | Điều 23, Luật Bảo hiển y tế (Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu điều kiện để thanh toán trực tiếp chi phí thuốc, thiết bị y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế?  A) 03 điều kiện  B) 04 điều kiện  C) 05 điều kiện  D) 06 điều kiện |  | | Điều 3, Thông tư số 22/2024/TT-BYT ngày 18/10/ 2024 của Bộ Y tế quy định về thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh |
|  | Theo anh, chị điều kiện để thanh toán trực tiếp chi phí thuốc, thiết bị y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế  A) Không có thuốc, thiết bị y tế do đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được duyệt theo một trong các hình thức: Đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế hoặc chào hàng cạnh tranh hoặc mua sắm trực tiếp hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu hoặc chào giá trực tuyến hoặc mua sắm trực tuyến và đã thực hiện chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 23 của Luật Đấu thầu và khoản 1 Điều 94 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu nhưng không lựa chọn được nhà thầu. Đồng thời, tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: (a) Đối với thuốc: Không có thuốc thương mại nào chứa hoạt chất mà người bệnh được kê đơn hoặc cùng hoạt chất nhưng khác nồng độ hoặc hàm lượng hoặc dạng bào chế hoặc đường dùng và không thể thay thế để kê đơn cho người bệnh; (b) Đối với thiết bị y tế: Không có thiết bị y tế mà người bệnh được chỉ định sử dụng và không có thiết bị y tế để thay thế.  B) Không chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (a) Tình trạng sức khỏe, bệnh lý người bệnh được xác định không đủ điều kiện để chuyển; (b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đang khám và điều trị đang trong thời gian cách ly y tế theo quy định của pháp luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm; (c) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh đang khám và điều trị là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu.  C) Không thể điều chuyển thuốc, thiết bị y tế giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.  D) Cả 3 phương án trên |  | | Điều 3, Thông tư số 22/2024/TT-BYT ngày 18/10/ 2024 của Bộ Y tế quy định về thanh toán chi phí thuốc, thiết bị y tế trực tiếp cho người có thẻ bảo hiểm y tế đi khám bệnh, chữa bệnh |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu được 100% mức hưởng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế?  A) 60 bệnh  B) 61 bệnh  C) 62 bệnh  D) 63 bệnh |  | | Phụ lục I, Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu *(ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của bộ trưởng Bộ Y tế)* |
|  | Theo anh, chị Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế nào thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu cho một số đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của bộ trưởng Bộ Y tế:  A) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp giấy phép hoạt động với hình thức là bệnh viện đa khoa;  B) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cấp giấy phép hoạt động theo một trong các hình thức sau: bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện y học cổ truyền hoặc bệnh viện răng hàm mặt. Trong cơ cấu tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải có bộ phận chuyên môn thuộc một trong các hình thức là khoa hoặc trung tâm hoặc viện. Bộ phận chuyên môn này phải có chuyên khoa nội và ít nhất 01 trong số các chuyên khoa ngoại, nhi, sản.  C) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có chức năng bảo vệ sức khỏe cán bộ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phong, lao và bệnh phổi, tâm thần, lão khoa, y học cổ truyền trong cơ cấu tổ chức có bộ phận chuyên môn thuộc một trong các hình thức là khoa hoặc trung tâm hoặc viện. Bộ phận chuyên môn này phải có chuyên khoa nội và ít nhất 01 trong số các chuyên khoa ngoại, nhi, sản;  D) Phương án A và B |  | | Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của bộ trưởng Bộ Y tế |
| **PHẦN II. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG** | | | | | |
|  | Người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động ít nhất mấy lần trong 1 năm?  A) 01 lần  B) 02 lần  C) 03 lần  D) 04 lần |  | Khoản 1, Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 | |
|  | Theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BYT, đối tượng phải khám phát hiện bệnh nghề nghiệp là  A) Người lao động tiếp xúc với các yếu tố có hại có khả năng mắc bệnh nghề nghiệp  B) Người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm kể cả người học nghề, tập nghề, người lao động đã nghỉ hưu  C) Tất cả người lao động  D) Đáp án A và B |  | Khoản 1, Điều 2, Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp | |
|  | Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31%-50% sau khi điều trị thương tật mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa là bao nhiêu ngày?  A) Tối đa 07 ngày  B) Tối đa 10 ngày  C) Tối đa 14 ngày  D) Tối đa 30 ngày |  | | Điểm b, khoản 2 Điều 54, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 15%-30% sau khi điều trị thương tật mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa là bao nhiêu ngày?  A) Tối đa 3 ngày  B) Tối đa 5 ngày  C) Tối đa 7 ngày  D) Tối đa 10 ngày |  | | Điểm c, khoản 2, Điều 54, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người lao động bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp hàng tháng khi suy giảm khả năng lao động:  A) Từ 1- 5%  B) Từ 5 – 30%  C) Từ 31% trở lên  D) Từ 50% trở lên |  | | Khoản 1, Điều 49, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người lao động bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp một lần khi suy giảm khả năng lao động bao nhiêu %?  A) Dưới 5%  B) Từ 5 – 30%  C) Từ 31%  D) Từ 50% trở lên |  | | Khoản 1, Điều 48, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Người lao động làm nghề, công việc gì phải khám phát hiện bệnh nghề nghiệp?  A) Nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  B) Công việc bình thường  C) Tiếp xúc với các yếu tố có hại có khả năng mắc bệnh nghề nghiệp  D) Đáp án A và C |  | | Khoản 1, Điều 2, Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp, |
|  | Theo anh, chị lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi có quyền được nghỉ mỗi ngày bao nhiêu phút trong thời gian làm việc để cho con bú, vắt, trữ sữa, nghỉ ngơi. Thời gian nghỉ vẫn được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động?  A) 30 phút  B) 60 phút  C) 90 phút  D) 120 phút |  | | Điểm a, khoản 4, Điều 80, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
|  | Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên sau khi điều trị thương tật mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa là bao nhiêu ngày?  A) Tối đa 7 ngày  B) Tối đa 10 ngày  C) Tối đa 14 ngày  D) Tối đa 30 ngày |  | | Điểm a, khoản 2, Điều 54, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ, thời giờ được tính vào thời giờ làm việc được hưởng lương bao gồm:  A) Nghỉ cần thiết trong quá trình lao động đã được tính trong định mức lao động cho nhu cầu sinh lý tự nhiên của con người.  B) Thời giờ nghỉ đối với lao động nữ khi mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trong thời gian hành kinh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 137 của Bộ luật Lao động  C) Thời giờ khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, giám định y khoa để xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nếu thời giờ đó được thực hiện theo sự bố trí hoặc do yêu cầu của người sử dụng lao động.  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Điều 58, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
|  | Lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con khi mang thai và có thông báo cho người sử dụng lao động biết thì được người sử dụng lao động chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn *hoặc giảm bớt giờ làm việc hằng ngày* mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, theo anh, chị số giờ được giảm là bao nhiêu?  A) 30 phút  B) 60 phút  C) 90 phút  D) 120 phút |  | | Khoản 2, Điều 137, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ bao nhiêu tuổi?  A) Chưa đủ 16 tuổi  B) Chưa đủ 17 tuổi  C) Chưa đủ 18 tuổi  D) Chưa đủ 19 tuổi |  | | Khoản 1, Điều 143, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Theo quy định tại Bộ Luật lao động năm 2019, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động trong các trường hợp nào?  A) Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;  B) Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;  C) Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;  D) Cả 3 đáp án trên đều đúng |  | | Điều 35, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Theo quy định tại Bộ Luật lao động năm 2019, Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp nào sau đây?  A) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở  B) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc;  C) Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên;  D) Cả 3 phương án trên đều đúng |  | | Khoản 1, Điều 36, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như thế nào?  A) Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;  B) Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;  C) Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 1, Điều 98, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Số ngày lễ, tết người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương là bao nhiêu ngày?  A) 10 ngày  B) 11 ngày  C) 12 ngày  D) 13 ngày |  | | Khoản 1, Điều 112, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động đối với làm công việc trong điều kiện bình thường là bao nhiêu ngày?  A) 10 ngày  B) 12 ngày  C) 14 ngày  D) 16 ngày |  | | Điểm a, khoản 1, Điều 113, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động đối với làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là bao nhiêu ngày?  A) 10  B) 12 ngày  C) 14 ngày  D) 16 ngày |  | | Điểm b, khoản 1, Điều 113, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động đối với làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là bao nhiêu ngày?  A) 10 ngày  B) 12 ngày  C) 14 ngày  D) 16 ngày |  | | Điểm c, khoản 1, iều 113, Bộ luật Lao động năm 2019 |
|  | Người lao động có thể thoả thuận với người sử dụng lao động để nghỉ phép hằng năm thành nhiều lần hoặc nghỉ gộp tối đa bao nhiêu năm một lần?  A) 02 năm  B) 03 năm  C) 04 năm  D) 05 năm |  | | Khoản 4, Điều 113, Bộ luật lao động 2019 |
|  | Theo quy định tại Điều 24 Luật An toàn, vệ sinh lao động, người lao động làm công việc trong điều kiện nào được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật?  A) Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.  B) Làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm  C) Làm việc trong điều kiện có yếu tố có hại  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 1, Điều 24, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 |
|  | Theo anh, chị người lao động được hưởng bồi dưỡng bằng hiện vật khi có đủ các điều kiện nào?  A) Làm các nghề, công việc thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.  B) Đang làm việc trong môi trường lao động có ít nhất 01 trong 02 yếu tố sau đây: (i)  Có ít nhất một trong các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của Bộ Y tế; (ii) Tiếp xúc với ít nhất 01 yếu tố được xếp từ 4 điểm trở lên thuộc nhóm chỉ tiêu “Tiếp xúc các nguồn gây bệnh truyền nhiễm theo Luật phòng, chống các bệnh truyền nhiễm” (số thứ tự 10.1 Mục A, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số [29/2021/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-29-2021-tt-bldtbxh-tieu-chuan-phan-loai-theo-dieu-kien-lao-dong-508673.aspx) ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động).  C) Tất cả người lao động  D) Cả A và B |  | | Điều 3, Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. |
|  | Theo anh, chị bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền theo các mức nào sau đây?  A) 5.000 đồng; 10.000 đồng; 15.000 đồng; 20.000 đồng  B) 10.000 đồng, 15.000 đồng; 20.000 đồng; 25.000 đông  C) 13.000 đồng; 20.000 đồng; 26.000 đồng; 32.000 đồng  D) 15.000 đồng; 20.000 đồng; 27.000 đồng; 35.000 đồng |  | | Khoản 1, Điều 4, Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. |
|  | Theo quy định của pháp luật an toàn vệ sinh lao động hiện hành, có bao nhiêu nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật?  A) 02 nguyên tắc  B) 03 nguyên tắc  C) 04 nguyên tắc  D) 05 nguyên tắc |  | | Điều 5, Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. |
|  | Theo quy định hiện hành, chi phí bồi dưỡng bằng hiện vật được hạch toán vào đâu?  A) Chi phí bồi dưỡng bằng hiện vật được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.  B) Từ đoàn phí công đoàn  C) Trích từ lương hằng tháng của người lao động  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 4, Điều 5, Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. |
|  | Theo anh, chị người sử dụng lao động có bao nhiêu trách nhiệm trong việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.  A) 04 trách nhiệm  B) 05 trách nhiệm  C) 6 trách nhiệm  D) 7 trách nhiệm |  | | Điều 6, Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại. |
|  | Theo anh, chị những hành vi nào được coi là quấy rối tình dục tại nơi làm việc?  A) Hành vi mang tính thể chất gồm hành động, cử chỉ, tiếp xúc, tác động vào cơ thể mang tính tình dục hoặc gợi ý tình dục;  B) Quấy rối tình dục bằng lời nói gồm lời nói trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua phương tiện điện tử có nội dung tình dục hoặc có ngụ ý tình dục;  C) Quấy rối tình dục phi lời nói gồm ngôn ngữ cơ thể; trưng bày, miêu tả tài liệu trực quan về tình dục hoặc liên quan đến hoạt động tình dục trực tiếp hoặc qua phương tiện điện tử.  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 2, Điều 84, Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động |
|  | Bảo hiểm xã hội bắt buộc có các chế độ sau đây:  A) Ốm đau; Thai sản; Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của [Luật An toàn, vệ sinh lao động](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Luat-an-toan-ve-sinh-lao-dong-2015-281961.aspx)  B) Trợ cấp thai sản; Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của [Luật An toàn, vệ sinh lao động](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Luat-an-toan-ve-sinh-lao-dong-2015-281961.aspx).  C) Ốm đau; Thai sản; Hưu trí; Tử tuất;  D) Hưu trí; Tử tuất; Bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của [Luật An toàn, vệ sinh lao động](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Luat-an-toan-ve-sinh-lao-dong-2015-281961.aspx) |  | | Khoản 2, Điều 4, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Có bao nhiêu nguyên tắc bảo hiểm xã hội  A) 06 nguyên tắc  B) 07 nguyên tắc  C) 08 nguyên tắc  D) 09 nguyên tắc |  | | Điều 5, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Người tham gia bảo hiểm xã hội có bao nhiêu quyền?  A) 06  B) 07  C) 08  D) 09 |  | | Khoản 1, Điều 10, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:  A) 3% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ ốm đau và thai sản; 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất.  B) 5% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ ốm đau và thai sản; 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất.  C) 3% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ ốm đau và thai sản; 24% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất.  D) 7% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ ốm đau và thai sản; 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí và tử tuất. |  | | Khoản 1, Điều 32, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Người lao động không được hưởng chế độ ốm đau trong các trường hợp nào sau đây?  A) Tự gây thương tích hoặc tự gây tổn hại cho sức khỏe của mình; Sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định, trừ trường hợp sử dụng thuốc tiền chất hoặc thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  B) Trong thời gian lần đầu phải nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;  C) Trong thời gian nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều này trùng với thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động hoặc đang nghỉ việc hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật chuyên ngành khác hoặc đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.  D) Cả 3 phương án trên |  | | Khoản 2, Điều 42, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12) đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, i, k, l, m và n khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Luật BHXH năm 2024 tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ hằng tuần và được quy định như thế nào?  A) Làm việc trong điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên;  B) Làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên.  C) Cả 2 đáp án trên |  | | Khoản 1, Điều 43, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) cho mỗi con tối đa là bao nhiêu ngày nếu con dưới 03 tuổi?  A) 10 ngày  B) 15 ngày  C) 20 ngày  D) 25 ngày |  | | Khoản 1, Điều 44, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) cho mỗi con tối đa là bao nhiêu ngày nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi?  A) 10 ngày  B) 15 ngày  C) 20 ngày  D) 25 ngày |  | | Khoản 1, Điều 44, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau của mỗi người được quy định như thế nào?  A) Thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) cho mỗi con tối đa là 20 ngày nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi.  B) Chỉ người Cha được hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau.  C) Chỉ người mẹ được hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau.  D) Tổng số ngày nghỉ hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau của cả cha và mẹ trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) cho mỗi con tối đa là 20 ngày nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi. |  | | Khoản 2, Điều 44, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Đối tượng được hưởng chế độ thai sản phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ bao nhiêu tháng trở lên trong thời gian 12 tháng liền kề trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi?  A) 03 tháng  B) 04 tháng  C) 05 tháng  D) 06 tháng |  | | Khoản 2, Điều 50, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Lao động nữ mang thai được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để đi khám thai tối đa bao nhiêu lần?  A) 03 lần  B) 04 lần  C) 05 lần  D) 06 lần |  | | Khoản 1, Điều 51, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sảy thai, phá thai, thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ, thai ngoài tử cung do người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định nhưng tối đa theo quy định nào sau đây:  A) 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi; 20 ngày nếu thai từ đủ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi;  B) 40 ngày nếu thai từ đủ 13 tuần tuổi đến dưới 22 tuần tuổi;  C) 50 ngày nếu thai từ đủ 22 tuần tuổi trở lên.  D) Cả 3 đáp án trên |  | | Khoản 1, Điều 52, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Người lao động được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi thực hiện các biện pháp tránh thai do người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định đối với lao động nữ đặt dụng cụ tránh thai trong tử cung là bao nhiêu ngày?  A) Không quá 5 ngày  B) Không quá 07 ngày  C) Không quá 10 ngày  D) không quá 12 ngày |  | | Khoản 1, Điều 57, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
|  | Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi thực hiện các biện pháp tránh thai do người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định đối với người lao động thực hiện biện pháp triệt sản?  A) Không quá 5 ngày  B) Không quá 10 ngày  C) Không quá 15 ngày  D) không quá 20 ngày |  | | Khoản 1, Điều 57, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 |
| **PHẦN III. AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG BNN CHO NVYT** | | | | |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu thời điểm cần phải vệ sinh tay?  A) 4 thời điểm  B) 5 thời điểm  C) 6 thời điểm  D) 7 thời điểm |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị kỹ thuật VST bằng xà phòng và nước sạch có bao nhiêu bước?  A) 4 bước  B) 5 bước  C) 6 bước  D) 7 bước |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị quy trình mang găng tay gồm bao nhiêu bước?  A) 4 bước  B) 6 bước  C) 8 bước  D) 10 bước |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị quy trình tháo găng gồm bao nhiêu bước?  A) 3 bước  B) 5 bước  C) 7 bước  D) 9 bước |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị chất thải lây nhiễm được phân chia thành mấy loại?  A) 4 loại  B) 6 loại  C) 8 loại  D) 10 loại |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị chất thải nguy hại không lây nhiễm được phân chia thành mấy loại?  A) 3 loại  B) 4 loại  C) 5 loại  D) 6 loại |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu bước vệ sinh môi trường bề mặt?  A) 3 bước  B) 5 bước  C) 7 bước  D) 9 bước |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” |
|  | Theo anh, chị trong cuốn cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” thì an toàn sinh học của phòng xét nghiệm được chia thành bao nhiêu cấp độ?  A) 2 cấp độ  B) 3 cấp độ  C) 4 cấp độ  D) 5 cấp độ |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị cơ sở xét nghiệm ATSH được thực hiện xét nghiệm đối với các loại VSV nào?  A) Cơ sở xét nghiệm ATSH cấp I được thực hiện xét nghiệm đối với các loại VSV thuộc nhóm 1 và các sản phẩm từ VSV thuộc nhóm khác nhưng đã được xử lý và không còn khả năng gây bệnh.  B) Cơ sở xét nghiệm ATSH cấp II được thực hiện xét nghiệm đối với các loại VSV thuộc nhóm 1 và nhóm 2 và các sản phẩm từ VSV thuộc nhóm 3, nhóm 4 nhưng đã được xử lý phù hợp với điều kiện của cơ sở xét nghiệm ATSH cấp II.  C) Cơ sở xét nghiệm ATSH cấp III được thực hiện xét nghiệm đối với các loại VSV thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 và các sản phẩm từ VSV thuộc nhóm 4 nhưng đã được xử lý phù hợp với điều kiện của cơ sở xét nghiệm ATSH cấp III.  D) Cả 3 đáp án đều đúng |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị để đảm bảo an toàn khi thực hành tại phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp II cần có bao nhiêu yêu cầu?  A) 20 yêu cầu  B) 24 yêu cầu  C) 28 yêu cầu  D) 30 yêu cầu |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị để đảm bảo an toàn khi thực hành tại phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III cần có bao nhiêu yêu cầu?  A) 32 yêu cầu  B) 34 yêu cầu  C) 36 yêu cầu  D) 38 yêu cầu |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị bộ dụng cụ xử lý sự cố tràn đổ mẫu bệnh phẩm gồm có bao nhiêu món đồ?  A) 10 món đồ  B) 12 món đồ  C) 14 món đồ  D) 16 món đồ |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị trong trường hợp đánh đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh trên bề mặt làm việc của tủ ATSH, cần tiếp tục để tủ chạy để ngăn chặn sự phát tán khí dung ra ngoài tủ ATSH. Nhân viên PXN thực hiện theo bao nhiêu bước?  A) 9 bước  B) 11 bước  C) 13 bước  D) 15 bước |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị sự cố làm đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh bên ngoài tủ an toàn sinh học mà TNGB không lây nhiễm qua đường hô hấp cần phải xử lý như thế nào?  A) Báo cho đồng nghiệp làm việc gần đó (nếu có); Tháo bỏ găng tay. Thay trang bị BHCN khác (áo choàng, quần, bao giày/ giày...) nếu nghi ngờ có dung dịch chứa TNGB bắn vào;  B) Lấy bộ dụng cụ xử lý tràn đổ dung dịch chứa TNGB; Phủ giấy thấm và/hoặc be bờ xung quanh khu vực dung dịch bị đổ từ ngoài vào trong; Đổ chất khử trùng lên vùng bị đổ theo chiều từ ngoài vào trong. Để khoảng 30 phút cho chất khử trùng phát huy tác dụng diệt khuẩn.  C) Thay găng tay mới. Gắp giấy thấm, dụng cụ đựng mẫu cho vào túi đựng chất thải lây nhiễm. Nếu có các mảnh vỡ sắc nhọn, dùng kẹp gắp mảnh vỡ bỏ vào hộp đựng vật sắc nhọn; Lau sạch vùng bị đổ bằng khăn/giấy thấm và cho khăn/giấy thấm vào túi đựng chất thải lây nhiễm; Thay găng tay, khử nhiễm và bổ sung vật tư tiêu hao đã sử dụng vào hộp dụng cụ xử lý sự cố; Lau khu vực sàn PXN có thể bị văng bắn bằng dung dịch khử nhiễm thích hợp; Tháo găng tay, rửa tay đúng cách.  D) Cả phương án A, B, C đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị sự cố làm đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh bên ngoài tủ an toàn sinh học mà TNGB lây nhiễm qua đường hô hấp cần phải xử lý như thế nào?  A) Nín thở và rời khỏi phòng ngay lập tức; Báo đồng nghiệp làm trong phòng (nếu có) rời khỏi PXN và đóng cửa lại; Đặt biển cảnh báo “NGUY HIỂM, CẤM VÀO” ở cửa ra, vào PXN.  B) Cởi bỏ quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang... và cho vào túi, thùng đựng chất thải lây nhiễm; Rửa, khử trùng tay và những chỗ nghi ngờ bị bắn dung dịch chứa TNGB.  C) Đợi ít nhất 30 phút để khí dung tạo ra do đánh đổ lắng xuống hoặc trao đổi ra ngoài PXN; Sau 30 phút, mặc trang bị BHCN và thực hiện từ bước 3 đến bước 11 của quy trình xử lý sự cố đối với TNGB không lây nhiễm qua đường hô hấp.  D) Cả phương án A, B, C đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị sự cố vật sắc nhọn có hoặc nghi ngờ chứa TNGB đâm vào tay cần phải xử lý như thế nào?  A) Báo với đồng nghiệp làm việc gần đó (nếu có); Bộc lộ vết thương (ví dụ cởi hoặc xé găng tay).  B) Xối ngay vết thương dưới vòi nước sạch (khoảng 5 phút). Lưu ý, để vết thương tự chảy máu, không nặn bóp hay chà xát vết thương; Rửa khu vực vết thương bằng xà phòng và nước sạch.  C) Sử dụng băng gạc với chất khử trùng thích hợp để che vết thương; Tùy từng trường hợp cụ thể có các biện pháp xử lý tiếp theo phù hợp.  D) Cả phương án A, B, C đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn sinh học |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ trong cơ sở y tế?  A) 2 biện pháp  B) 4 biện pháp  C) 6 biện pháp  D) 8 biện pháp |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế”-Phần an toàn bức xạ |
|  | Theo anh, chị biển cảnh báo phóng xạ được gắn ở vị trí nào ở phòng đặt thiết bị bức xạ, phòng làm việc với nguồn phóng xạ và thuốc phóng xạ, phòng lưu người bệnh uống thuốc phóng xạ trong y học hạt nhân hoặc cấy nguồn phóng xạ trong xạ trị áp sát, phòng điều khiển thiết bị xạ trị?  A) Gắn ở phía trên cửa ra vào khu vực kiểm soát  B) Gắn ở bên phải cửa ra vào khu vực kiểm soát  C) Gắn ở bên trái của ra vào khu vực kiểm soát  D) Gắn vào cửa ra vào khu vực kiểm soát |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” -Phần an toàn bức xạ |
|  | Theo anh, chị nội quy an toàn bức xạ được gắn ở vị trí nào?  A) Gắn nội quy an toàn bức xạ tại cửa ra vào khu vực kiểm soát;  B) Gắn nội quy an toàn bức xạ khu vực khoa chẩn đoán hình ảnh/ xạ trị  C) Gắn nội quy an toàn bức xạ trong phòng đặt thiết bị bức xạ  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” -Phần an toàn bức xạ |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu nhóm hóa chất, chế phẩm diệt khuẩn dùng trong các cơ sở y tế?  A) 2 nhóm  B) 3 nhóm  C) 4 nhóm  D) 5 nhóm |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” - An toàn với hoá chất chế phẩm diệt khuẩn sử dụng trong cơ sở y tế |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu nguyên tắc pha và sử dụng chế phẩm chứa Clo dùng để diệt khuẩn bề mặt trong cơ sở y tế?  A) 3 nguyên tắc  B) 5 nguyên tắc  C) 7 nguyên tắc  D) 9 nguyên tắc |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” - An toàn với hoá chất chế phẩm diệt khuẩn sử dụng trong cơ sở y tế |
|  | Theo anh, chị có bao nhiêu tình huống có thể dẫn đến tại nạn điện?  A) 3 tình huống  B) 4 tình huống  C) 5 tình huống  D) 6 tình huống |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn điện |
|  | Theo anh, chị mức độ tai nạn điện phụ thuộc vào các yếu tố nào?  A) Điện trở của cơ thể người (Rng)  B) Dòng điện giật  C) Thời gian dòng điện đi qua người; Đường đi của dòng điện  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn điện |
|  | Theo anh, chị những phương tiện, dụng cụ nào cần thiết cho an toàn điện trong y tế?  A) Các phương tiện bảo vệ; Phương tiện cách điện, tránh điện áp.  B) Thiết bị thử điện di động; Dụng cụ che chắn tạm thời di động, nắp đậy bằng cao su.  C) Biển báo an toàn điện.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn điện |
|  | Theo anh, chị thợ điện phải đảm bảo những tiêu chuẩn nào sau đây:  A) Đủ 18 tuổi; Có giấy chứng nhận sức khoẻ, có đủ sức khoẻ để làm việc, không bị thần kinh, thấp khớp, lao phổi;  B) Khám sức khoẻ định kỳ theo quy định; Có chứng chỉ đào tạo do các cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.  C) Huấn luyện kiểm tra kiến thức quá trình kỹ thuật an toàn và sát hạch để cấp thẻ an toàn theo các quy định hiện hành (Nghị định 44/2016/NĐ-CP, thông tư 05/2021/TT-BCT). Định kỳ hàng năm phải tổ chức ôn luyện và sát hạch lại, những người đạt yêu cầu được tiếp tác làm việc.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn điện |
|  | Theo anh, chị để tổ chức làm việc an toàn về điện trong y tế cần phải tuân thủ bao nhiêu điều kiện?  A) 09 điều kiện  B) 10 điều kiện  C) 11 điều kiện  D) 12 điều kiện |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn điện |
|  | Theo anh, chị để vận hành an toàn thiết bị áp lực cần phải áp dụng bao nhiêu quy định?  A) 4 quy định  B) 6 quy định  C) 8 quy định  D) 10 quy định |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn trong sử dụng thiết bị áp lực |
|  | Theo anh, chị để đảm bảo an toàn khi vận hành thiết bị áp lực thì người lao động phải thực hiện những nội dung gì?  A) Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp; bận  hành thiết bị một cách an toàn theo đúng quy trình của đơn vị; kịp thời và bình tĩnh xử lý sự cố theo đúng quy định của đơn vị khi sự cố xảy ra, đồng thời báo ngay cho người phụ trách những hiện tượng không an toàn của thiết bị áp lực.  B) Trong  khi  thiết  bị  áp  lực  đang  hoạt  động  không được làm việc riêng hoặc bỏ vị trí công tác; Cấm chèn hãm, hoặc dùng bất cứ biện pháp gì để tăng thêm tải trọng của van an toàn trong khi thiết bị áp lực đang hoạt động.  C) Thường xuyên kiểm tra tình trạng của thiết bị áp lực, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra - đo lường, các cơ cấu an toàn và các phụ tùng của thiết bị áp lực; Nghiêm cấm việc sửa chữa thiết bị áp lực khi đang có áp suất.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn trong sử dụng thiết bị áp lực |
|  | Anh, chị hãy cho biết để đảm bảo an toàn khi sử dụng bình oxy cần phải lưu ý những điểm gì?  A) Trước khi sử dụng: kiểm tra chân tay, quần áo, dụng cụ, phương tiện thiết bị kết nối… không được dính dầu mỡ; Kiểm tra đồng hồ đo, thiết bị sử dụng (van giảm áp, dây dẫn, đầu nối, dụng cụ…) phải trong tình trạng tốt.  B) Các đệm làm kín, zoăng phải làm bằng vật liệu quy định, không dính dầu mỡ; Không đứng đối diện với đầu ra của van, đóng mở van nhẹ nhàng. Khi ngừng sử dụng phải đóng chặt van chai.  C) Không tự ý sửa chữa van chai khi bị hở và có áp suất. Không tự nạp khí và nạp khí lạ vào chai; Để lại áp suất dư ≥ 0.5 Bar khi sử dụng xong.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn trong sử dụng thiết bị áp lực |
|  | Anh, chị hãy cho biết những yêu cầu an toàn đối với hệ thống khí y tế ở bệnh viện?  A) Hệ thống khí y tế phải được kiểm định theo quy định;  B) Hệ thống khí phải được đặt ở nơi thoáng mát.  C) Không đặt những chất dễ cháy nổ gần khu vực hệ thống khí; Không hút thuốc, hay dùng bật lửa soi sáng gần hệ thống khí; Thường xuyên kiểm tra định kì hệ thống khí y tế; Có nhân viên thường xuyên theo dõi và kiểm tra hệ thống khí y tế.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần an toàn trong sử dụng thiết bị áp lực |
|  | Theo anh, chị khi lập kế hoạch vận chuyển bệnh nhân an toàn, cần lưu ý đến những yếu tố nào?  A) Tình trạng bệnh nhân, bao gồm cả tình trạng hiện tại và những nguy cơ có thể xảy ra đe doạ bệnh nhân; Sự bất ổn của môi trường xung quanh và những hạn chế khác có thể làm ảnh hưởng đến sự an toàn của bệnh nhân và nhân viên vận chuyển.  B) Các phương tiện hỗ trợ và những nhân viên trợ giúp sẵn có tại thời điểm đó.  C) Tình trạng sức khỏe, cũng như các hạn chế chuyên môn của nhân viên tham gia vận chuyển.  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần vận chuyển bệnh nhân an toàn |
|  | Anh, chị hãy cho biết các bước tiến hành vận chuyển an toàn cho bệnh nhân?  A) Kiểm tra hồ sơ (Kiểm tra lại hồ sơ về chỉ định, chống chỉ định của việc vận chuyển bệnh nhân...).  B) Kiểm tra lại bệnh nhân (Khám lại, đánh giá lại chức năng sống của bệnh nhân).  C) Thực hiện kỹ thuật (Kỹ thuật nâng và chuyển bệnh nhân; Kỹ thuật khiêng an toàn; Kỹ thuật chuyển bệnh nhân từ cáng vào giường bệnh và ngược lại).  D) Cả ba phương án trên đều đúng. |  | | Cẩm nang ”Hướng dẫn an toàn, vệ sinh lao động tại các cơ sở y tế” – Phần vận chuyển bệnh nhân an toàn |